TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KT
TỈNH LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2019/DS-ST
Ngày: 22 - 11 - 2019
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KT, TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Ngọc Thạch.

Bà Nguyễn Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã KT, tỉnh LA.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã KT, tỉnh LA xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Mỹ L, sinh năm 1975, có mặt.

Địa chỉ: Số nhà 182, ấp Bàu Chứa, xã Thạnh Hưng, thị xã KT, tỉnh LA.

Bị đơn: Ông Phạm Tấn T, sinh năm 1970, vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1970, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp Bàu Mua, xã Thạnh Hưng, thị xã KT, tỉnh LA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 7 năm 2019, các lời khai và tại phiên tòa của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ L trình bày:

Vào ngày 20 tháng 11 năm 2018 âm lịch (ngày 26 tháng 12 năm 2018 dương lịch) bà Nguyễn Thị U có vay bà số tiền 398.420.000 đồng, có làm biên nhận, bà U ký tên, ông T không ký tên nhưng ông T có biết việc bà U vay tiền của bà, bà không tính lãi suất, mục đích bà U vay tiền để bà U xoay sở trong gia

đình, hẹn thời hạn trả là ngày 26 tháng 4 năm 2019. Đến nay, bà U chưa trả tiền cho bà. Bà U, ông T không cầm cố thế chấp tài sản cho bà.

Nay bà yêu cầu ông Phạm Tấn T và bà Nguyễn Thị U phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền gốc là 398.420.000 đồng, không tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị U trình bày trong bản tự khai ngày 04 tháng 10 năm 2019: Bà và ông T là vợ chồng. Bà thừa nhận nợ bà L số tiền 398.420.000 đồng và có làm giấy biên nhận nợ số tiền đó, nhưng đây là tiền nợ hụi chứ không phải là nợ vay. Chỉ có mình bà ký tên, chồng bà hoàn toàn không biết về sự việc này. Bà vay tiền của bà L để đóng tiền hụi cho bà L. Bà không cầm cố, thế chấp tài sản cho bà L. Đây là khoản nợ riêng của bà, bà đồng ý một mình trả cho bà L số tiền là 398.420.000 đồng và bà xin trả dần 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn ông Phạm Tấn T không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Huỳnh Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu ông Phạm Tấn T và bà Nguyễn Thị U có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 398.420.000 đồng. Quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Phạm Tấn T và bà Nguyễn Thị U có địa chỉ tại xã Thạnh Hưng, thị xã KT, tỉnh LA và có mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân thị xã KT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Bà Huỳnh Thị Mỹ L yêu cầu ông Phạm Tấn T và bà Nguyễn Thị U phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Mỹ L số tiền vay 398.420.000 đồng vì ông T và bà U là vợ chồng. Bà U thừa nhận nợ là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật dân sự. Xét ông T và bà U là vợ chồng, mục đích bà U vay tiền để bà U đóng tiền hụi cho bà L, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Bà U đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà L. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là buộc ông T và bà U phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 398.420.000 đồng là có căn cứ phù hợp với các Điều 288, Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về hình thức trả nợ và đề nghị trả dần của bà U: Bà L yêu cầu ông T và bà U liên đới trả một lần. Ông T và bà U đề nghị trả dần, bà L không đồng ý, pháp luật cũng không quy định nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về lãi suất: Bà L không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông T và bà U phải có nghĩa vụ liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 177, 186, 227, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 288, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Mỹ L. Buộc ông Phạm Tấn T và bà Nguyễn Thị U phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Mỹ L số tiền 398.420.000 đồng (ba trăm chín mươi tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Buộc ông Phạm Tấn T và bà Nguyễn Thị U phải có nghĩa vụ liên đới chịu 19.921.000 đồng (mười chín triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

Bà Huỳnh Thị Mỹ L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị Mỹ L 9.960.500 đồng (chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0007253 ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã KT.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã KT;
- Chi cục THADS thị xã KT;
- TAND tỉnh LA;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Diệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*